

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2024/HS-ST**
Ngày 18/7/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Min.

-Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Tô Văn Đào.

-Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Trường Danh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

-Kiểm sát viên VKSND huyện T tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HS ngày 04/7/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1999 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp thợ cắt tóc; trình độ học vấn 09/12; dân tộc Kinh; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; tên cha Nguyễn Văn L và tên mẹ Nguyễn Thị Mỹ L; tên chồng Võ Ngọc Tr và có 01 con sinh năm 2016; tiền án không có; tiền sự không có; nhân thân tốt; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

-Bị hại: Bà Phan Thị Minh P, sinh năm 2003; nơi cư trú thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 7h00 ngày 22/4/2024, Nguyễn Thị L đến nhà bà Phan Thị Minh P để chơi. Trong lúc tâm sự, bà P có thông tin với L là trong tài khoản của mình có nhiều tiền. Nghe vậy L nảy sinh ý định trộm tiền trong tài khoản của bà P để tiêu xài cá nhân.

Đến trưa cùng ngày, lợi dụng lúc bà P ngủ say, Ly lấy thẻ sim số 0383.292.830 trong điện thoại của bà P và lục ví của bà P lấy thẻ ATM có số tài khoản 5624308021- Ngân hàng BIDV. L giấu thẻ sim và thẻ ATM sau đó đi ngủ cùng bà P. Sau khi ngủ dậy, phát hiện thẻ sim bị mất, bà P có nói với L nhưng L trả lời không biết rồi đi về.

Đến 23 giờ cùng ngày, L gắn thẻ sim điện thoại số 0383.292.83 vào chiếc điện thoại di động Iphone XS Max gắn sim số 0935.177.895 của mình và sử dụng chiếc điện thoại này tải ứng dụng SmartBanking của Ngân hàng BIDV. Ly nhập số điện thoại của chị Phụng vào mục đăng nhập và nhấn vào mục “quên mật khẩu” rồi tiếp tục nhập tất cả các mục của trang yêu cầu nhập thông tin để được cấp lại mật khẩu. L sử dụng mã OTP gửi về sim điện thoại của bà P rồi đổi mật khẩu đăng nhập ứng dụng SmartBanking và đổi mật khẩu thẻ ATM của bà P.

Đến khoảng 00h06 ngày 23/4/2024, sau khi thực hiện xong các thao tác đổi mật khẩu, L sử dụng ứng dụng SmartBanking BIDV chuyển số tiền 100.000.000đ từ tài khoản của bà P vào tài khoản 0400935177895- Ngân hàng Sacombank của L. Lo sợ có thông báo tin nhắn về điện thoại của bà P nên L không chuyển nữa rồi đi ngủ.

Đến khoảng 06h30 phút ngày 23/4/2024, L điều khiển xe mô tô BKS 92H1-341.84 (xe do ông Nguyễn Văn L là chủ sở hữu) đi làm. Khi đến ngã tư H, L nảy sinh ý định sử dụng thẻ ATM của bà P để rút tiền. L ghé vào trạm ATM Ngân hàng Agribank chi nhánh T, dùng thẻ ATM của bà P rút 19 lần, mỗi lần 3.000.000đ và 01 lần 2.000.000đ. Số tiền rút được là 59.000.000đ, L bỏ vào túi ni lông và đem đến cất giấu tại tiệm spa Chi Linh Phan của bà Phan Thị Chi L ở xã B.

Sáng ngày 23/4/2024, bà P đến Ngân hàng BIDV chi nhánh Hương An, huyện Q để rút tiền thì phát hiện trong ví không có thẻ ATM. Bà P nhờ nhân viên ngân hàng kiểm tra thì phát hiện tài khoản 5624308021 của mình đã chuyển vào tài khoản 0400935177895- Ngân hàng Sacombank của L số tiền 100.000.000đ.

Nghi ngờ L là người đã rút tiền trong tài khoản của mình, bà P gọi điện thoại hỏi L nhưng L trả lời không có. Bà P đã báo cáo sự việc với Công an huyện T.

Đến 17h00 cùng ngày, L đến ngân hàng chuyển trả cho bà P 100.000.000đ, đem 59.000.000đ đến nộp cho Công an huyện T và khai báo hành vi của mình.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKSTB-HS ngày 17/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Nguyễn Thị L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Thị L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; đồng thời đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Thị L từ 06 đến 09 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tội danh: Lời khai của Nguyễn Thị L tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T thu thập được. Vì vậy có đủ căn cứ để kết luận:

Vào sáng ngày 22/4/2024, tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, Nguyễn Thị L đã có hành vi lén lút, bí mật lấy của bà Phan Thị Minh P 01 thẻ sim số 0383.292.830 và 01 thẻ ATM có số tài khoản 5624308021 Ngân hàng BIDV. Đến 23 giờ cùng ngày, L sử dụng các thao tác để gắn sim số 0383.292.830 vào chiếc điện thoại di động Iphone XS Max của mình, tải ứng dụng SmartBanking của Ngân hàng BIDV, thay đổi mật khẩu thẻ ATM.

Đến khoảng 00h06 ngày 23/4/2024, bằng thủ đoạn chuyển tiền từ tài khoản 5624308021 Ngân hàng BIDV sang tài khoản số 0400935177895-Ngân hàng Sacombank, L đã chiếm đoạt của bà P 100.000.000đ. Đến khoảng 06h30 ngày 23/4/2024, tại trạm ATM Agribank chi nhánh T, L sử dụng thẻ ATM nhiều lần rút và chiếm đoạt của bà P số tiền 59.000.000đ.

Vì vậy Bản Cáo trạng số 48/CT-VKSTB-HS ngày 17/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Nguyễn Thị L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]-Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Hành vi của Nguyễn Thị L là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương; phạm tội thuộc trường hợp hai lần trở lên nên phải xử lý nghiêm để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo đã bồi thường xong thiệt hại; đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ; người bị hại yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

[3]-Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Trong quá trình điều tra, Điều tra viên đã thực hiện các hành vi, ban hành các quyết định tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện các hành vi, ban hành các quyết định tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[4]. Về các vấn đề khác:

Xử lý vật chứng:

-Đối với 01 điện thoại di động hiệu Uphone XS Max, bị cáo đã làm mất, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả.

-Đối với đĩa VCD lưu trữ dữ liệu camera được lưu theo hồ sơ vụ án.

-Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bà Phan Thị Minh P. Bà P không yêu cầu bồi thường thêm nên không xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]-Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Ly phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[2]-Về hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Thị L 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3]-Về xử lý vật chứng: VCD lưu trữ dữ liệu camera được lưu theo hồ sơ vụ án.

[4]-Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5]-Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/7/2024).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- VP Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo, những người TGTT;
- Lưu HS-AV.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Công Min